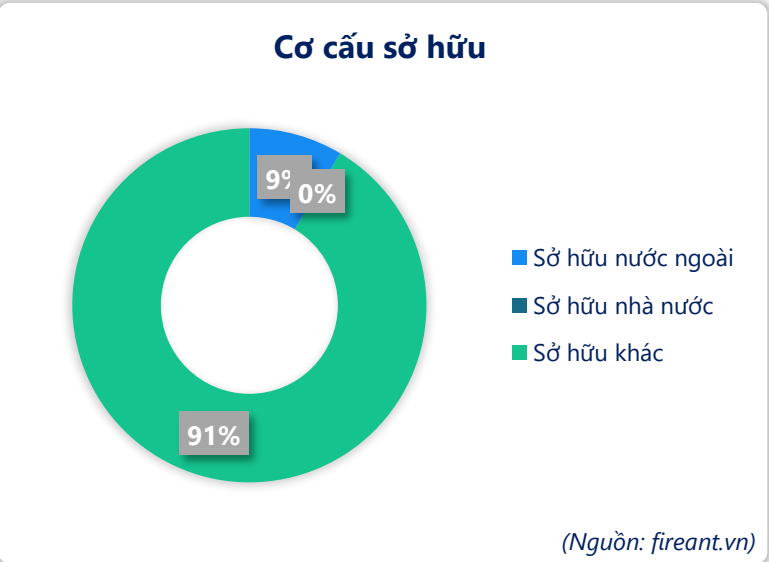
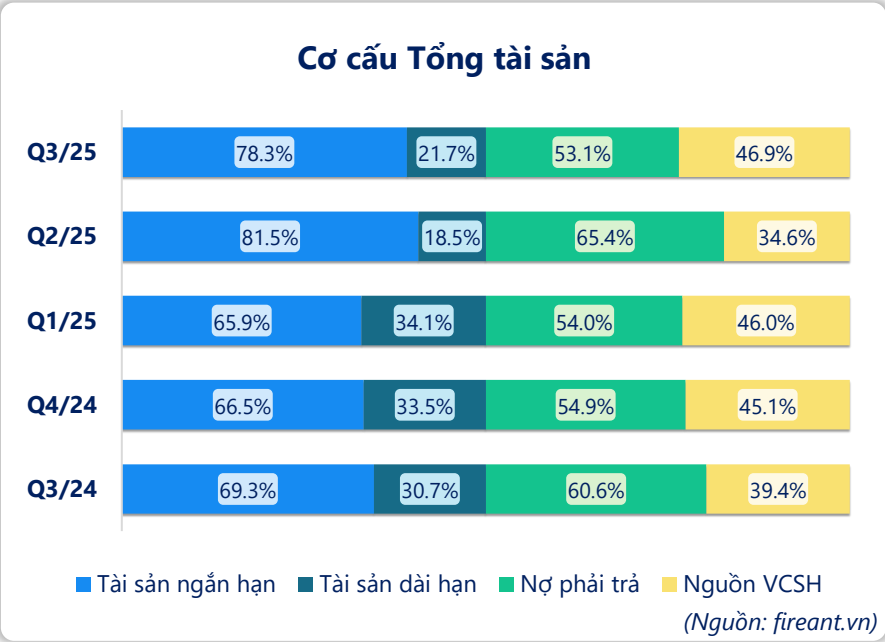
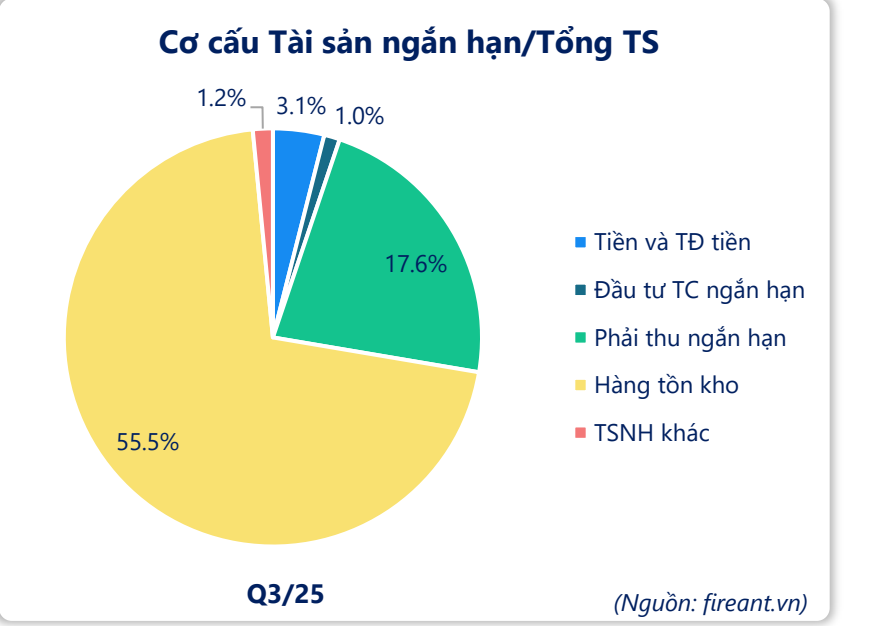
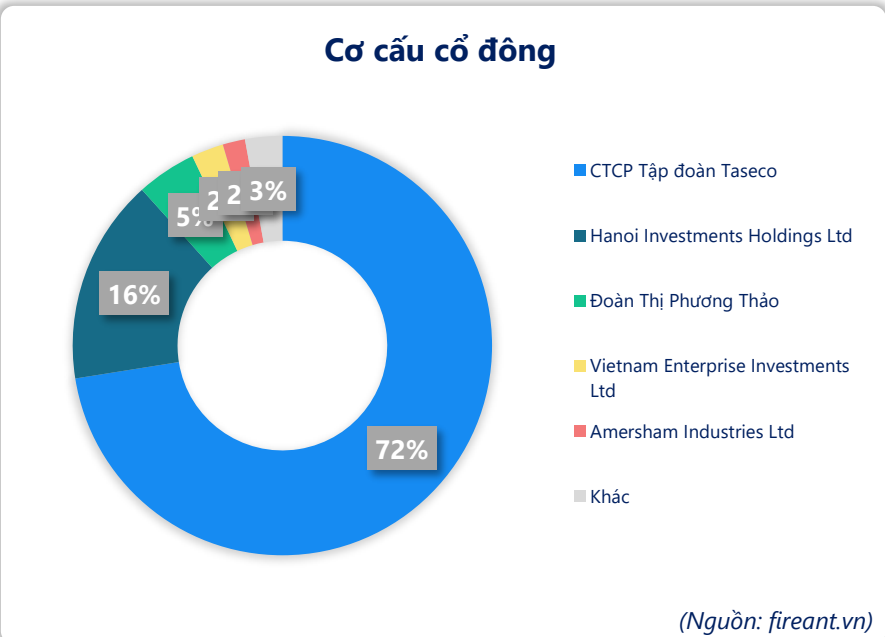
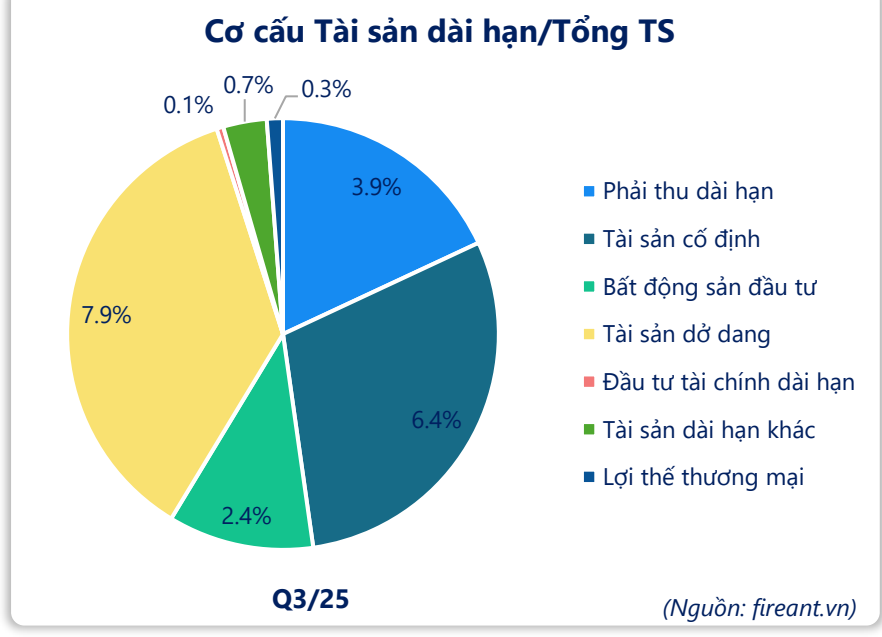
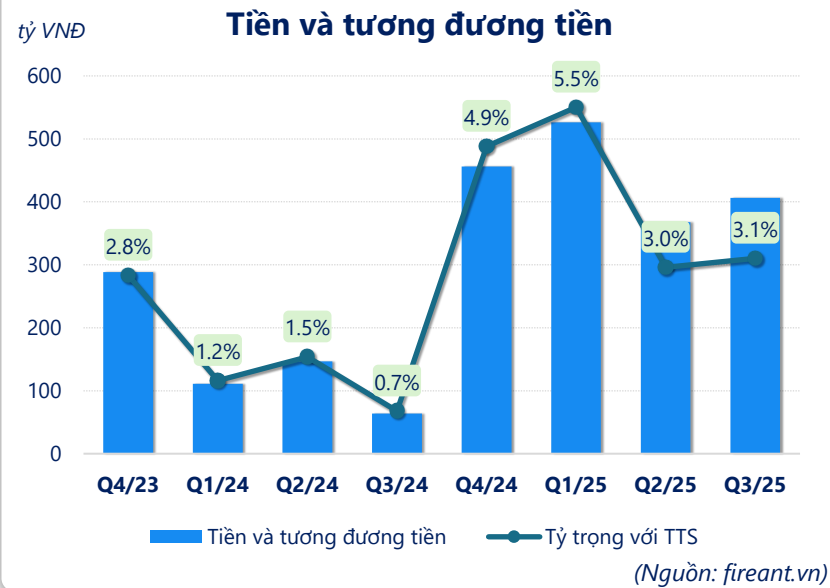
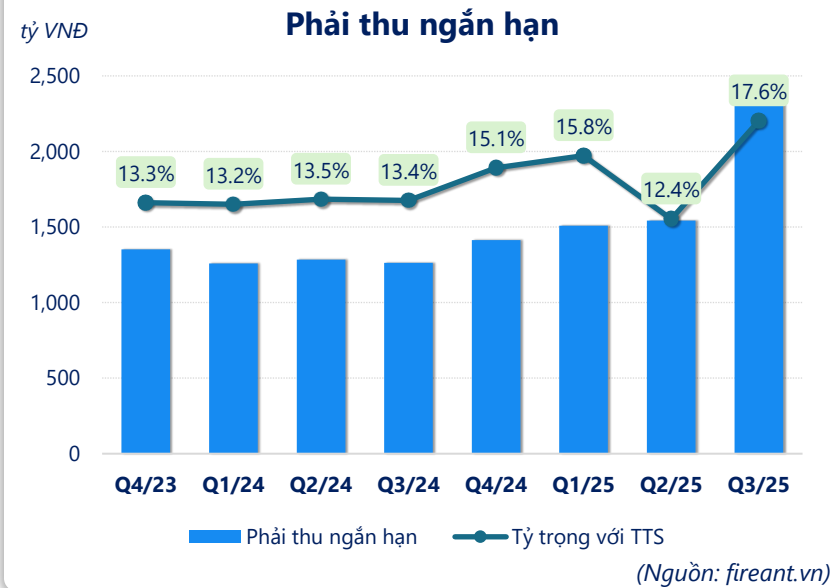
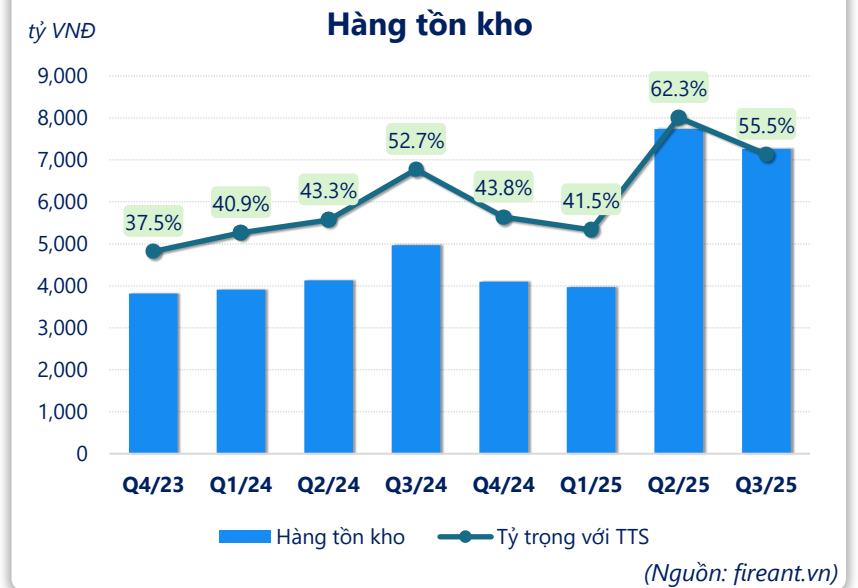
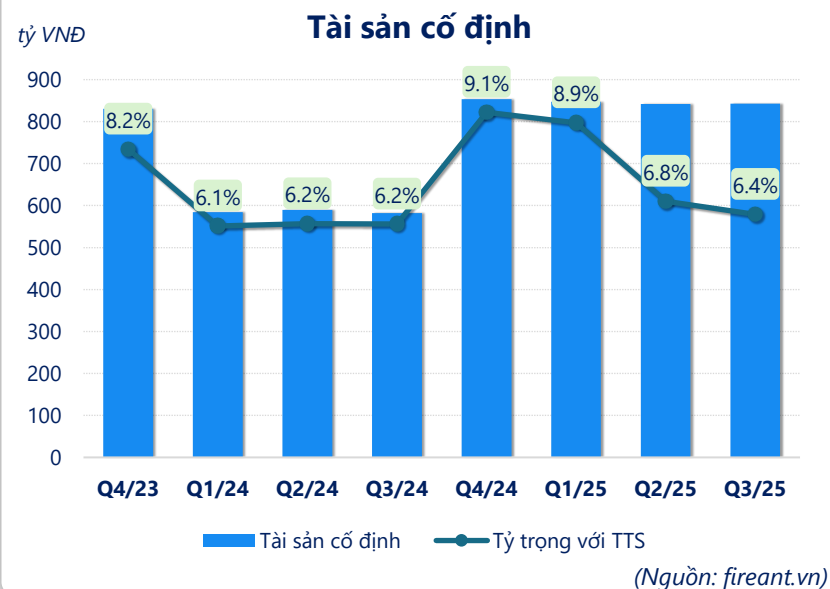
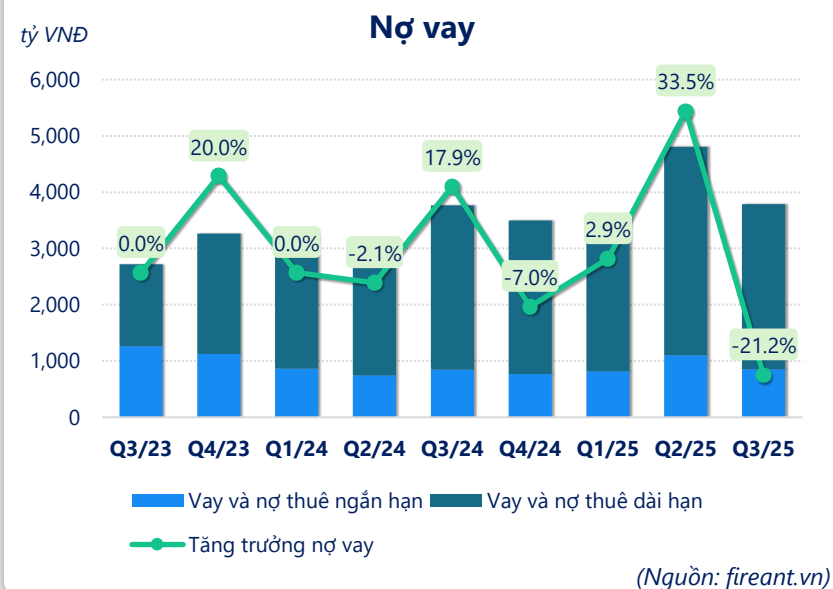
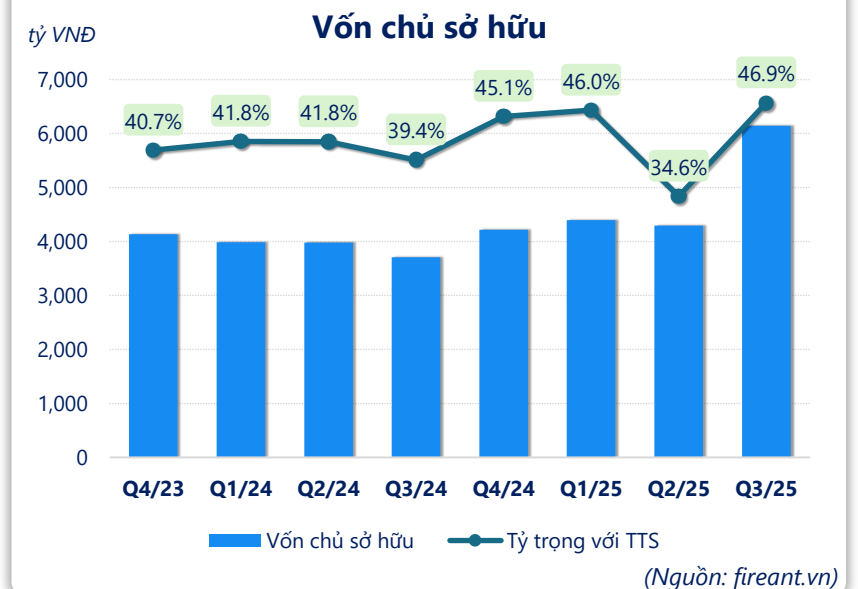
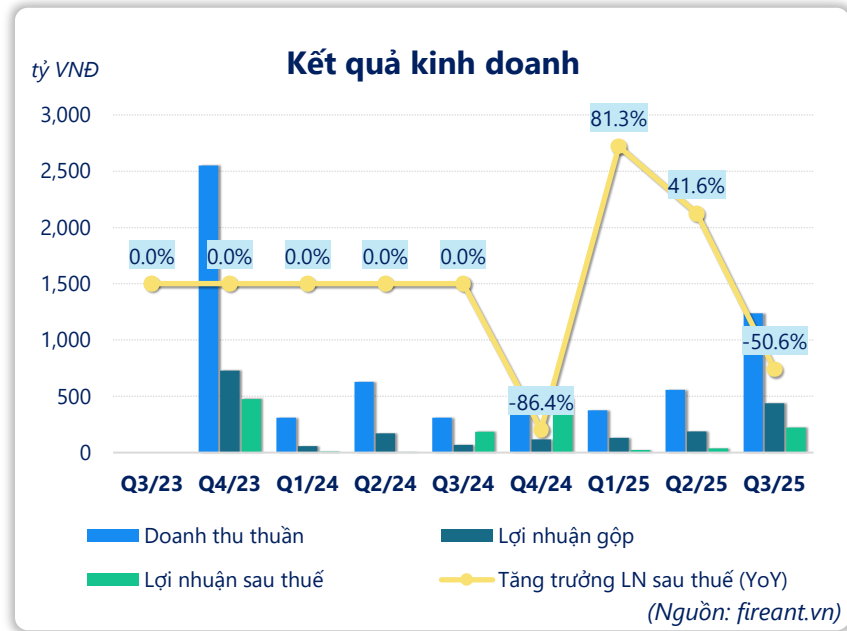
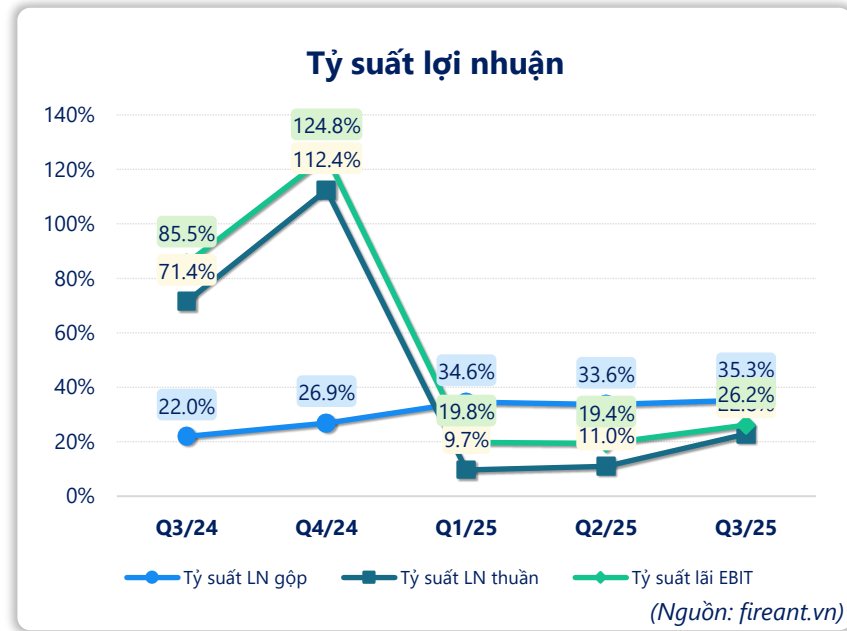
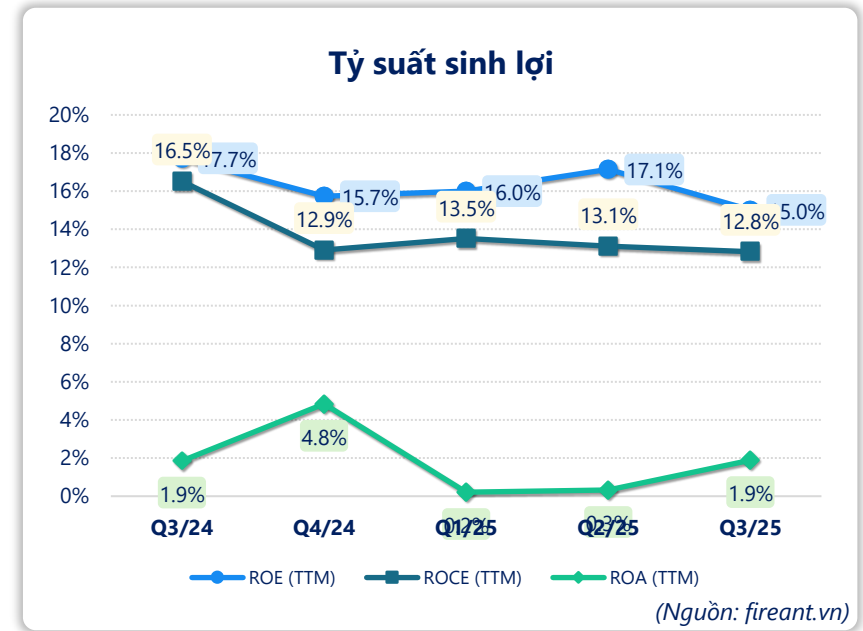
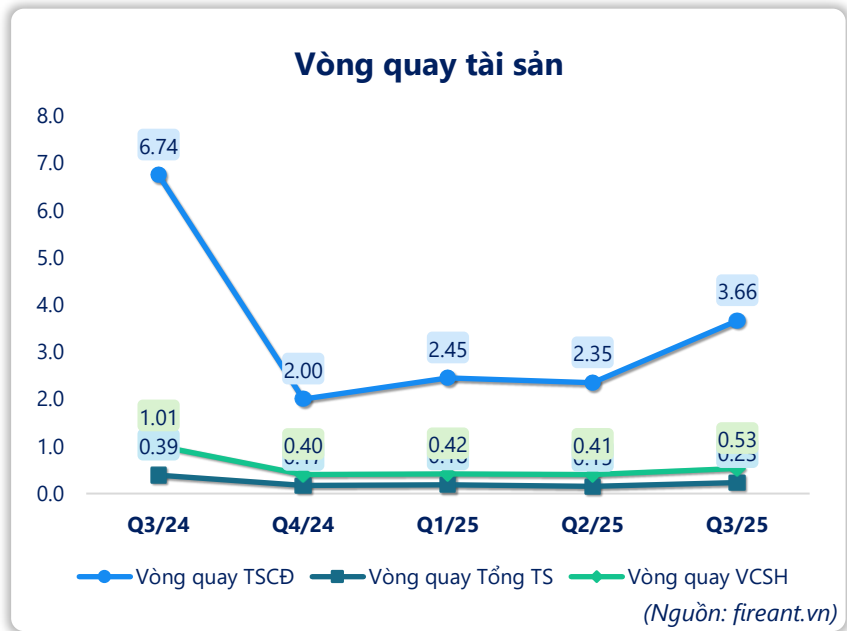
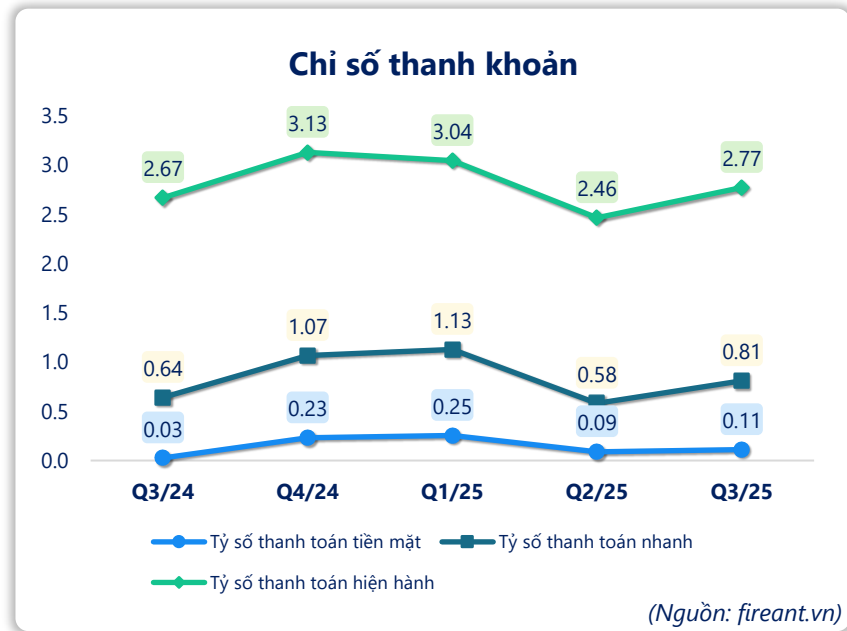
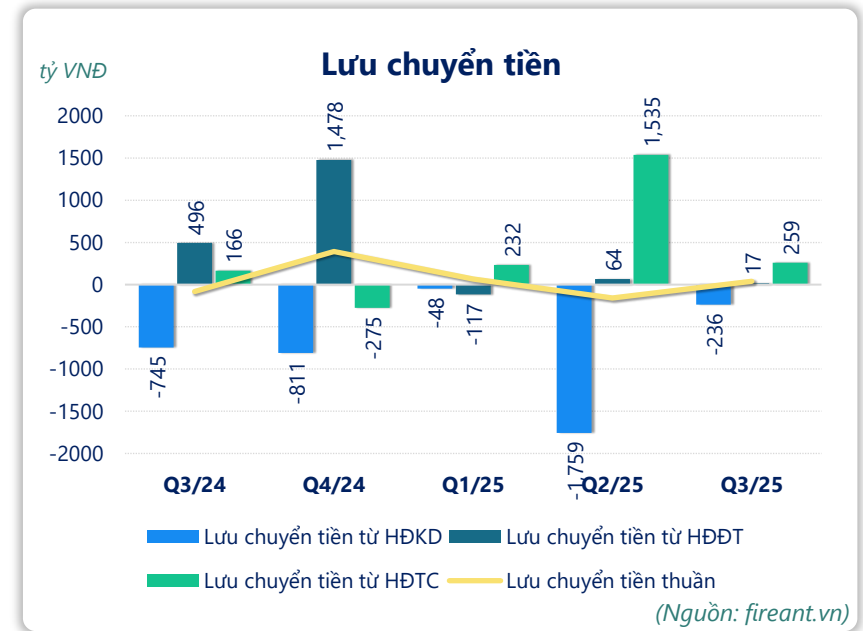


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		48,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		360,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		905,635
% sở hữu nước ngoài		8.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		17,496
P/E		23.6
EPS		2,056

	YTD	1T	3T	6T
TAL	153.1%	21.2%	86.1%	88.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,096	9,324	40.5%
Tài sản ngắn hạn	10,261	6,174	66.2%
Tiền và tương đương tiền	406	460	-11.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125	113	10.2%
Phải thu ngắn hạn	2,307	1,402	64.5%
Hàng tồn kho	7,264	4,079	78.1%
Tài sản ngắn hạn khác	158	120	31.9%
Tài sản dài hạn	2,836	3,150	-10.0%
Phải thu dài hạn	512	620	-17.4%
Tài sản cố định	842	854	-1.4%
Bất động sản đầu tư	309	319	-2.9%
Tài sản dở dang	1,031	1,192	-13.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.2	36.5	-61.0%
Tài sản dài hạn khác	92.6	89.4	3.6%
Lợi thế thương mại	34.1	39.7	-13.9%
Nợ phải trả	6,952	5,100	36.3%
Nợ ngắn hạn	3,702	2,084	77.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	856	805	6.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	324	426	-23.9%
Nợ dài hạn	3,250	3,016	7.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,931	2,695	8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,145	4,224	45.5%
Vốn chủ sở hữu	6,145	4,224	45.5%
Vốn điều lệ	3,600	2,970	21.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	311	435	376	557	1,238
Giá vốn hàng bán	242	318	246	370	802
Lợi nhuận gộp	68.2	117	130	187	437
Doanh thu HĐTC	258	543	5.97	11.2	16.9
Chi phí TC	36.4	69.8	42.7	51.1	43.0
Chi phí lãi vay	51.1	55.0	39.0	46.2	39.7
LN trong công ty LKLD	0.02	0.07	0.08	0.07	0.09
Chi phí bán hàng	17.6	22.7	11.5	34.3	54.8
Chi phí QLDN	50.5	78.5	45.5	52.1	73.7
LN thuần từ HĐKD	222	489	36.3	61.1	282
Lợi nhuận khác	-7.56	-0.94	-0.93	0.69	2.33
LN trước thuế	214	488	35.3	61.8	285
Lợi nhuận sau thuế	185	476	22.3	38.3	223
LNST của CĐ cty mẹ	181	472	20.2	34.9	213

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-745	-811	-48.2	-1,759	-236
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	496	1,478	-117	64.5	16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	166	-275	232	1,535	259
Tiền đầu kỳ	146	63.8	460	526	368
Lưu chuyển tiền thuần	-82.5	392	66.6	-159	38.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	63.8	456	526	368	406

(Nguồn: fireant.vn)